ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ HÀ BẮC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:509 /KH-UBND	*Hà Bắc, ngày* 12 *tháng* 11 *năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Kế hoạch số 437/KH-UBND ngày 29/10/2026 của UBND Thành phố về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; Nghị định số 353/2026/NĐ-CP ngày 11/9/2026 của Chính phủ quy định về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ (có hiệu lực từ ngày 01/11/2026); thực hiện Kế hoạch số 437/KH-UBND ngày 29/10/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ giai đoạn 2026 - 2030, UBND xã Hà Bắc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện trên địa bàn xã như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Giữ vững, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học bắt buộc, giáo dục trung học cơ sở bắt buộc và xóa mù chữ mức độ 2; bảo đảm người học trong độ tuổi được tiếp cận giáo dục, có điều kiện hoàn thành chương trình. Kịp thời phát hiện, vận động và hỗ trợ người chưa biết chữ, người tái mù chữ từ 15 đến 60 tuổi tham gia học tập phù hợp.

2. Yêu cầu

Phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm và thời hạn thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, 08 trường công lập và 15 thôn trên địa bàn xã. Gắn công tác phổ cập với kế hoạch năm học, tuyển sinh, duy trì sĩ số và phát triển kinh tế - xã hội. Điều tra đúng, đủ đối tượng; thống nhất số liệu trong hồ sơ gốc, biểu báo cáo và phần mềm; hằng năm tự kiểm tra, khắc phục ngay tiêu chí có nguy cơ không đạt.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Theo số liệu tự kiểm tra năm 2026 nêu tại hồ sơ dự thảo, tỷ lệ huy động trẻ 3 - 4 tuổi, trẻ 5 tuổi đến lớp và trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; 574/574 trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học, đạt 100%. Kết quả tự kiểm tra ghi nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3 - 5 tuổi và trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2. Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm

đối chiếu số liệu với hồ sơ minh chứng, quyết định công nhận còn hiệu lực và dữ liệu trên hệ thống trước khi sử dụng trong báo cáo chính thức; kết quả tự kiểm tra không thay thế quyết định công nhận của cơ quan có thẩm quyền.

- Duy trì các kết quả đã được công nhận; tổ chức rà soát tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP và đối tượng từ 5 đến 6 tuổi theo Nghị định số 353/2026/NĐ-CP. Đối với giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, thực hiện chuyển tiếp từ mức độ 3 sang mức độ hoàn thành theo điểm c khoản 5 Điều 47 Nghị định số 353/2026/NĐ-CP, tiếp tục phấn đấu đạt mức độ nâng cao đến năm 2030; giữ vững chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Đối với phổ cập giáo dục mầm non

2.1.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

- Huy động tối đa trẻ 3 - 4 tuổi thuộc diện phổ cập đến lớp, phấn đấu đạt 100%; bảo đảm trẻ mẫu giáo được học 2 buổi/ngày theo điều kiện tổ chức và quy định. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình theo từng độ tuổi đạt ít nhất 97%; nâng cao tỷ lệ chuyên cần, bảo đảm đội ngũ, phòng học, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và thực hiện chính sách đúng đối tượng. Các chỉ tiêu được tổng hợp riêng theo nhóm tuổi để tránh trùng lặp với phổ cập trẻ em từ 5 đến 6 tuổi.

- Duy trì chuẩn hằng năm trên cơ sở kết quả đã đạt của xã, góp phần thực hiện mục tiêu công nhận đạt chuẩn của thành phố vào năm 2028 và duy trì kết quả đến năm 2030.

2.1.2. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi

Đối với trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, xác định đúng đối tượng theo Nghị định số 353/2026/NĐ-CP; phấn đấu huy động 100% đến lớp, tỷ lệ hoàn thành chương trình hằng năm đạt ít nhất 99,9%. Kế thừa hồ sơ, kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; rà soát minh chứng, cập nhật hệ thống và lập hồ sơ đề nghị công nhận theo thẩm quyền, trình tự tại Nghị định số 353/2026/NĐ-CP.

2.2. Đối với giáo dục tiểu học bắt buộc

- Duy trì huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; giữ vững kết quả trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học, phấn đấu không thấp hơn mức đang đạt và bảo đảm tối thiểu chỉ tiêu 99,2% vào năm 2030 theo Kế hoạch của thành phố. Theo dõi riêng trẻ 11 tuổi chưa hoàn thành chương trình, không thuộc trường hợp loại trừ theo Điều 9 Nghị định số 353/2026/NĐ-CP, để có phương án tiếp tục học.

- Phấn đấu duy trì tỷ lệ 100% trẻ 14 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học trong ít nhất 02 năm liên tiếp, chậm nhất là các năm 2029 và 2030. Đến năm 2030, phấn đấu có ít nhất 92% trẻ khuyết tật trong độ tuổi tiểu học và có khả

năng học tập được tiếp cận giáo dục. Chỉ lập hồ sơ đề nghị công nhận mức độ nâng cao khi đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo Nghị định số 353/2026/NĐ-CP.

2.3. Đối với giáo dục trung học cơ sở bắt buộc

- Duy trì huy động học sinh đã hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào lớp 6. Bảo đảm tỷ lệ thanh niên, thiếu niên từ 15 đến 18 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở đạt ít nhất 95%. Phấn đấu đến năm 2030 có ít nhất 98% thiếu niên 15 tuổi hoàn thành chương trình. Duy trì tỷ lệ 100% thanh niên 18 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở và bảo đảm minh chứng trong ít nhất hai năm liên tiếp, chậm nhất trong các năm 2029 và 2030.

- Duy trì tỷ lệ ít nhất 90,5% người từ 15 đến 18 tuổi đang học hoặc đã hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc chương trình giáo dục nghề nghiệp. Phấn đấu đến năm 2030 có ít nhất 91% người khuyết tật trong độ tuổi trung học cơ sở và có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục. Hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận mức độ nâng cao khi đủ tiêu chuẩn, chậm nhất năm 2030.

2.4. Đối với xóa mù chữ

Duy trì xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 theo quyết định công nhận; bảo đảm tỷ lệ người từ 15 đến 60 tuổi đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 không thấp hơn mức tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 353/2026/NĐ-CP và phấn đấu đạt 100% theo kết quả điều tra, xác minh. Hằng năm lập danh sách người chưa biết chữ, có nguy cơ tái mù chữ để vận động, bố trí hình thức học phù hợp.

3. Điều kiện bảo đảm thực hiện

3.1. Về đội ngũ

Bố trí cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên theo vị trí việc làm, định mức và quy mô trường, lớp. UBND xã phân công người theo dõi công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ, bảo đảm có người quản lý, cập nhật dữ liệu và bàn giao đầy đủ khi thay đổi nhân sự.

3.2. Về phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục

Duy trì 08 trường công lập sau sắp xếp, gồm 03 trường mầm non, 03 trường tiểu học và 02 trường trung học cơ sở; rà soát nhu cầu học tập tại các trường chính, phân hiệu gắn với địa bàn 15 thôn. Việc điều chỉnh mạng lưới, điểm trường, phân hiệu phải theo phương án và thẩm quyền được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm thuận lợi, an toàn cho người học.

3.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Bảo đảm phòng học, phòng chức năng, thiết bị dạy học tối thiểu, đồ dùng, đồ chơi theo quy định. Chú trọng an toàn trường học, điều kiện tiếp cận cho người học khuyết tật và bố trí địa điểm học tập phù hợp khi phát sinh nhu cầu xóa mù chữ.

3.4. Nguồn kinh phí thực hiện

Bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách, lồng ghép với các chương trình, kế hoạch có liên quan và sử dụng các nguồn hợp pháp khác để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ hằng năm.

3.5. Huy động và sử dụng nguồn lực xã hội

Huy động tài trợ, hỗ trợ tự nguyện và các nguồn lực hợp pháp để hỗ trợ người học, bổ sung điều kiện dạy học. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn lực bảo đảm công khai, đúng mục đích và đúng quy định.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý

Hằng năm, căn cứ kết quả rà soát và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, kiện toàn Ban Chỉ đạo khi có biến động; giao Phòng Văn hóa - Xã hội tham mưu bộ chỉ tiêu, danh sách đầu mối từng thôn, từng trường, tiến độ thực hiện và kiểm tra kết quả. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, số liệu thuộc phạm vi phụ trách.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động và huy động đối tượng trong độ tuổi ra lớp

- Tuyên truyền qua hệ thống Đài truyền thanh xã, họp thôn, sinh hoạt đoàn thể và họp cha mẹ học sinh. Tập trung vận động gia đình đưa trẻ đúng độ tuổi đến lớp, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật và học sinh có nguy cơ bỏ học.

- Các trường mầm non theo dõi trẻ theo từng độ tuổi, nhất là trẻ học ngoài địa bàn hoặc có biến động cư trú. Duy trì học 2 buổi/ngày, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, phối hợp với gia đình để tăng tỷ lệ chuyên cần.

- Các trường Tiểu học rà soát trẻ vào lớp 1, lập danh sách theo dõi học sinh 11 tuổi chưa hoàn thành chương trình, phối hợp với gia đình để hỗ trợ từng em tiếp tục học. Các Trường THCS phối hợp với các Trường Tiểu học đối chiếu kết quả chuyển cấp, theo dõi học sinh có nguy cơ bỏ học và kết quả học tiếp sau THCS. Phối hợp với các trường THPT, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp để xác minh kết quả học tập của người học ngoài xã.

- Rà soát người trong độ tuổi 15 - 60 chưa biết chữ hoặc tái mù chữ. Khi phát sinh đối tượng, phối hợp với cơ sở giáo dục và Trung tâm học tập cộng đồng để vận động, tham mưu tổ chức hoặc bố trí hình thức học tập phù hợp.

3. Phát triển mạng lưới trường, lớp và đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị

Kiểm kê phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng, thiết bị và điều kiện tiếp cận của người học khuyết tật tại trường chính và các phân hiệu. Ưu tiên sửa chữa hạng mục xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn và bổ sung thiết bị thiết yếu. Thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch đầu tư và khả năng cân đối nguồn lực được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo

Rà soát số lượng, cơ cấu giáo viên, nhân viên theo vị trí việc làm và nhu cầu thực tế từng trường. Chủ động sắp xếp trong phạm vi thẩm quyền, tổng hợp nhu cầu còn thiếu để báo cáo cấp có thẩm quyền. Bồi dưỡng nghiệp vụ điều tra, thống kê, sử dụng phần mềm phổ cập và kỹ năng hỗ trợ người học có nhu cầu đặc thù.

5. Nâng cao chất lượng công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ

- Gắn nhiệm vụ phổ cập với việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non và chương trình giáo dục phổ thông. Theo dõi tiến độ học tập, hỗ trợ học sinh có nguy cơ chưa hoàn thành chương trình đúng độ tuổi, tăng cường phối hợp với gia đình để hạn chế lưu ban, bỏ học và nâng cao hiệu quả phân luồng sau THCS.

- Tổ chức điều tra, cập nhật biến động tại 15 thôn. Đối chiếu phiếu điều tra, danh sách trường học, dữ liệu cư trú và hệ thống phổ cập; phân biệt người học cư trú tại xã với học sinh đang học ở từng trường, thống nhất độ tuổi, thời điểm chốt và mẫu số từng chỉ tiêu. Hồ sơ, dữ liệu phải được lưu trữ, khai thác đúng thẩm quyền, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Hằng năm, UBND xã tổ chức tự kiểm tra, đánh giá từng tiêu chí, điều kiện bảo đảm; hoàn thành cập nhật, tổng hợp số liệu của xã chậm nhất ngày 30/9 theo điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 353/2026/NĐ-CP. Đối với phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, thực hiện theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 47 Nghị định số 353/2026/NĐ-CP. Riêng năm 2026, rà soát và thực hiện quy định chuyển tiếp, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo khoản 6 Điều 47 Nghị định số 353/2026/NĐ-CP.

6. Huy động các nguồn lực xã hội hóa

Vận động tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và các tổ chức khuyến học tham gia hỗ trợ học bổng, đồ dùng học tập, thiết bị dạy học và hoạt động học tập cộng đồng. Ưu tiên trẻ em, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, người học khuyết tật và trường hợp có nguy cơ gián đoạn việc học.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, các nguồn lồng ghép từ chương trình, kế hoạch có liên quan và nguồn huy động hợp pháp khác. Ưu tiên kinh phí cho điều tra, cập nhật dữ liệu, bồi dưỡng nghiệp vụ, tự kiểm tra, hỗ trợ người học và sửa chữa, bổ sung điều kiện dạy học thiết yếu.

- Hằng năm, các cơ quan, đơn vị lập dự toán theo nhiệm vụ được giao. Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp Phòng Kinh tế tổng hợp, tham mưu UBND xã bố trí kinh phí theo khả năng cân đối và quy định hiện hành. Việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu UBND xã, Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện; hướng dẫn trường học và 15 thôn điều tra, cập nhật số liệu, hoàn thiện hồ sơ. Kiểm tra sự thống nhất giữa dữ liệu trên hệ thống, biểu thống kê và minh chứng gốc; yêu cầu khắc phục sai lệch. Tham mưu UBND xã tự kiểm tra, lập hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, công nhận theo Điều 35 Nghị định số 353/2026/NĐ-CP; tổng hợp báo cáo UBND thành phố qua Sở Giáo dục và Đào tạo theo hướng dẫn và thời hạn quy định.

2. Phòng Kinh tế

Phối hợp rà soát cơ sở vật chất, tham mưu nguồn kinh phí thường xuyên và nhu cầu đầu tư theo phân cấp. Tổng hợp danh mục sửa chữa, bổ sung phòng học, phòng chức năng và thiết bị theo mức độ ưu tiên.

3. Công an xã

Phối hợp đối chiếu thông tin định danh, cư trú, biến động dân cư để xác định đúng đối tượng phổ cập, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ. Thực hiện chia sẻ, khai thác dữ liệu theo quy định.

4. Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn xã

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về số liệu, danh sách và minh chứng của đơn vị. Phân công cán bộ phụ trách, phối hợp với các thôn rà soát người học, duy trì sĩ số và hỗ trợ học sinh có nguy cơ gián đoạn việc học. Gửi báo cáo, biểu thống kê và danh sách đối chiếu về Phòng Văn hóa - Xã hội theo thời hạn được thông báo hằng năm.

5. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công và Trạm Y tế

Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phối hợp tuyên truyền trên hệ thống thông tin cơ sở. Trạm Y tế phối hợp theo dõi sức khỏe, dinh dưỡng trẻ em và cung cấp thông tin phục vụ xác minh theo chức năng.

6. Trưởng các thôn

Phối hợp điều tra hộ dân, cập nhật biến động, vận động người học ra lớp và thông tin kịp thời cho nhà trường, Phòng Văn hóa - Xã hội về trường hợp cần hỗ trợ.

7. Hội Khuyến học xã

Phối hợp vận động gia đình, dòng họ và cộng đồng duy trì việc học. Vận động học bổng, đồ dùng học tập và hỗ trợ người học có hoàn cảnh khó khăn. Phối hợp với Trung tâm học tập cộng đồng tổ chức hoạt động học tập thường xuyên.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các đoàn thể

Phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện Kế hoạch. Nắm bắt khó khăn của các hộ gia đình, phối hợp hỗ trợ trẻ em, học sinh có nguy cơ bỏ học và tham gia giám sát việc thực hiện.

9. Tiến độ thực hiện và chế độ báo cáo

- **Năm 2026:** Hoàn thiện hồ sơ sau tự kiểm tra, đối chiếu hệ thống thông tin, danh sách gốc, nhất là chỉ tiêu hoàn thành chương trình mầm non, trẻ 14 tuổi hoàn thành tiểu học, học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, phân luồng và tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật. Rà soát quyết định công nhận, thời điểm tiếp nhận hồ sơ và áp dụng quy định chuyển tiếp tại khoản 5, khoản 6 Điều 47 Nghị định số 353/2026/NĐ-CP; chậm nhất ngày 30/11/2026, Phòng Văn hóa - Xã hội báo cáo UBND xã kết quả rà soát, danh mục tồn tại và phương án khắc phục.

- **Năm 2027 - 2028:** Duy trì các tiêu chí đã đạt; hằng năm hoàn thành rà soát, cập nhật số liệu trước 30/9 và khắc phục chỉ tiêu chưa đạt. Tập trung hỗ trợ học sinh có nguy cơ chưa hoàn thành chương trình đúng độ tuổi; theo dõi riêng nhóm 14, 15 và 18 tuổi, trẻ khuyết tật và người có nguy cơ tái mù chữ.

- **Năm 2029 - 2030:** Duy trì minh chứng hai năm liên tiếp đối với nhóm 14 tuổi và 18 tuổi. Đánh giá đầy đủ các tiêu chuẩn, hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận giáo dục tiểu học và trung học cơ sở bắt buộc mức độ nâng cao khi đủ điều kiện. Tổng kết kết quả thực hiện giai đoạn vào năm 2030.

Các trường và đơn vị liên quan gửi kết quả, biểu thống kê và minh chứng về Phòng Văn hóa - Xã hội theo lịch rà soát hằng năm của UBND xã. Phòng Văn hóa - Xã hội tổng hợp, tham mưu báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 437/KH-UBND ngày 29/10/2026 của UBND Thành phố về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ giai đoạn 2026 - 2030; trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo về Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để được hướng dẫn, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:
- UBND thành phố Hải Phòng;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, các Tổ chức Chính trị - Xã hội;
- Các phòng, cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Hội Khuyến học xã, Trung tâm học tập cộng đồng xã;
- Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học và THCS trên địa bàn xã;
- Trưởng các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ HÀ BẮC T.P HẢI PHÒNG

Nguyễn Anh Tuấn